CTCP Công nghiệp Thương mại Sông Đà

FireAnt

Ngày 31/03/2024	9,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.3%	**28.3%**	**30.0%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,304 - 9,709
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	72
Số lượng CPLH (CP)	8,022,063
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,500
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	0.06
EPS	1,114
P/E	8.1

DT thuần
Q1/24
44.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.9| -21.0%
YoY: ▼21.0| -31.9%

LN trước thuế
Q1/24
3.76
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.90| 102%
YoY: ▼1.43| -27.6%

LN sau thuế
Q1/24
3.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.51| 100%
YoY: ▼1.16| -27.9%

ROA
2023
5.5%
+/- YoY: ▲ 3.0%

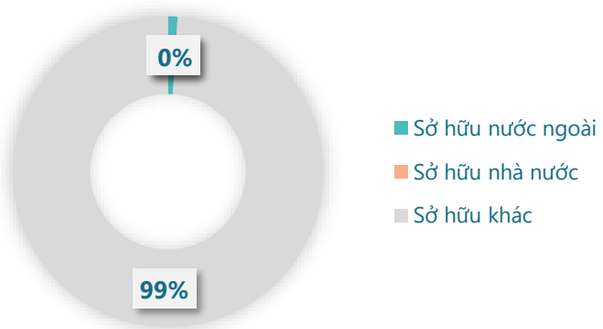
DT thuần
2023
215
tỷ VNĐ
YoY: ▼42.0| -16.4%

LN trước thuế
2023
12.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.07| 128%

LN sau thuế
2023
10.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.60| 124%

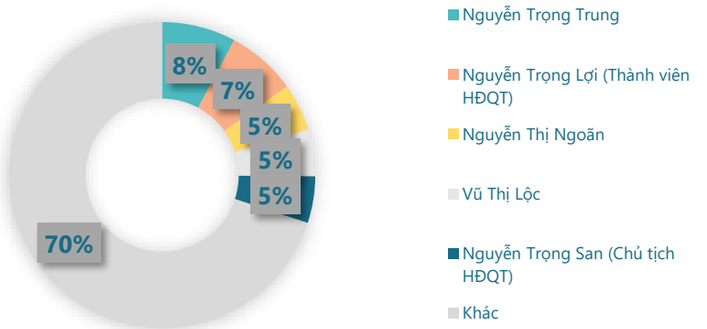
ROE
2023
7.1%
+/- YoY: ▲ 3.9%

Cơ cấu sở hữu



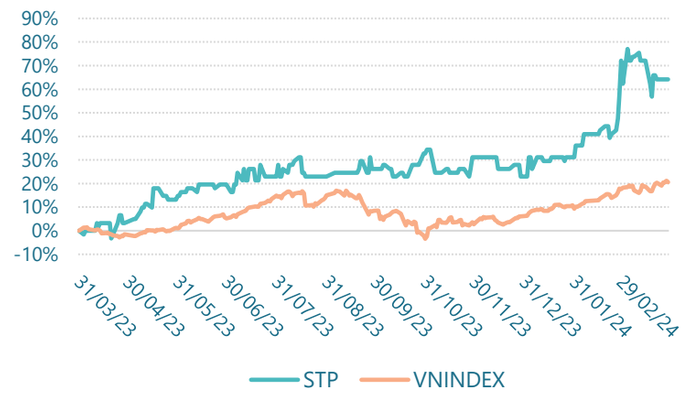
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

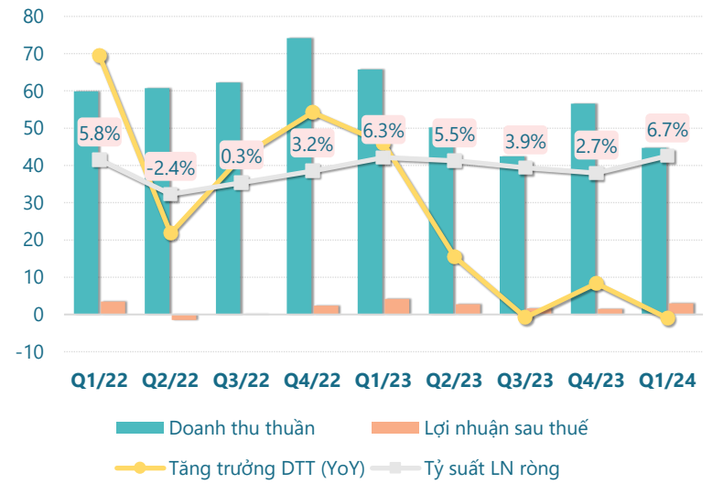
Tỷ suất lợi nhuận



CTCP Công nghiệp Thương mại Sông Đà

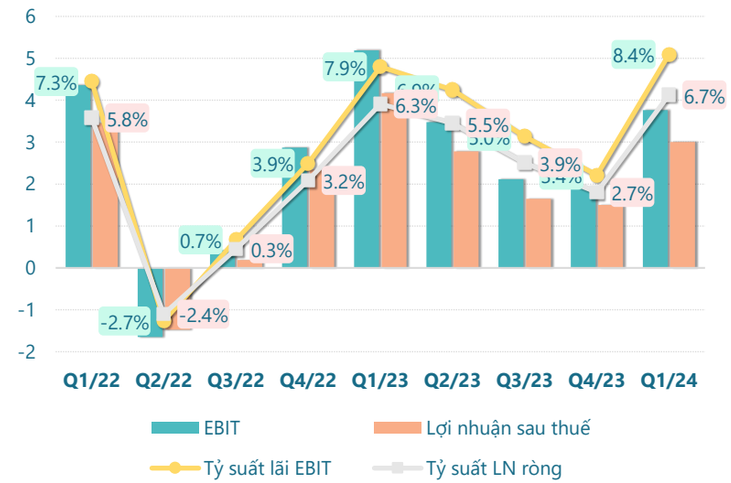
FireAnt

Kết quả kinh doanh



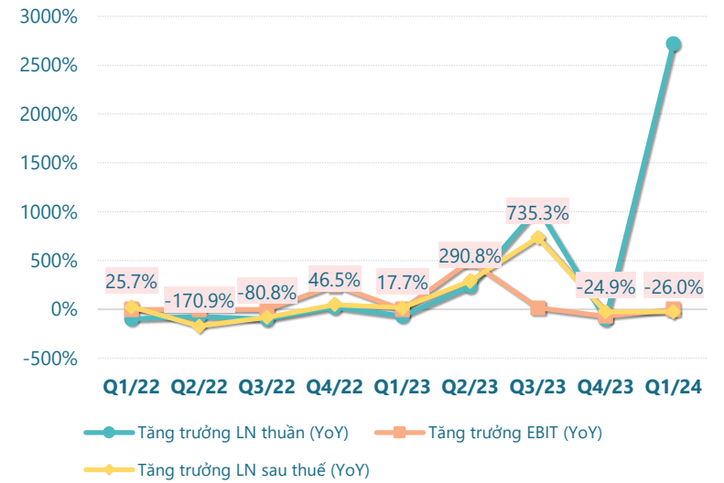
(Nguồn: fireant.vn)

EBIT - Lợi nhuận sau thuế



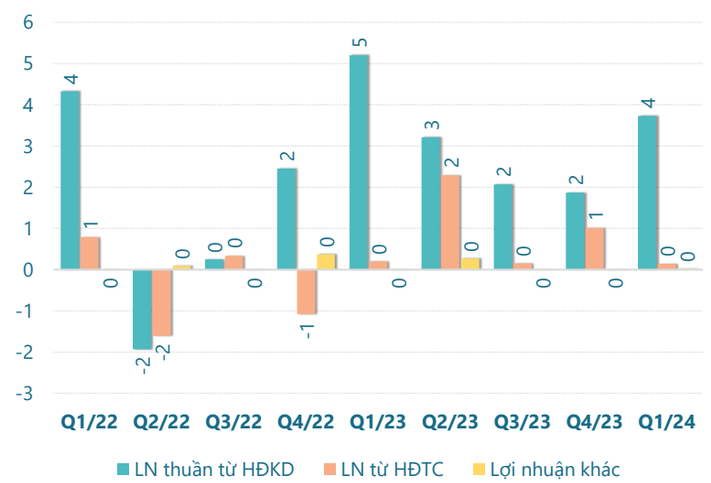
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



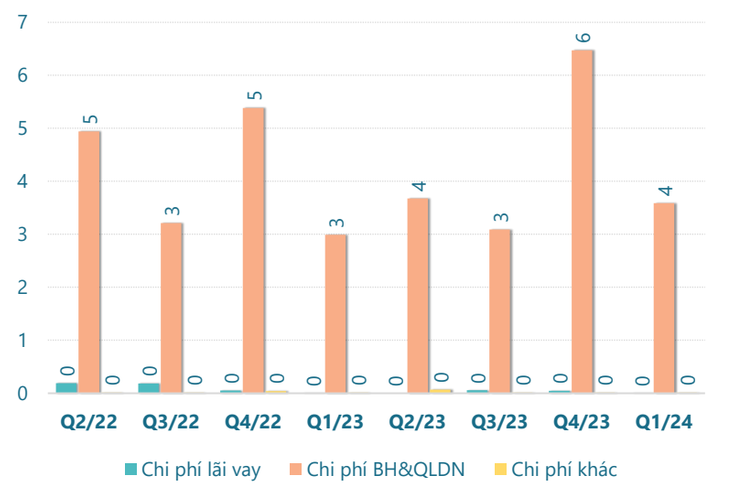
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu lợi nhuận



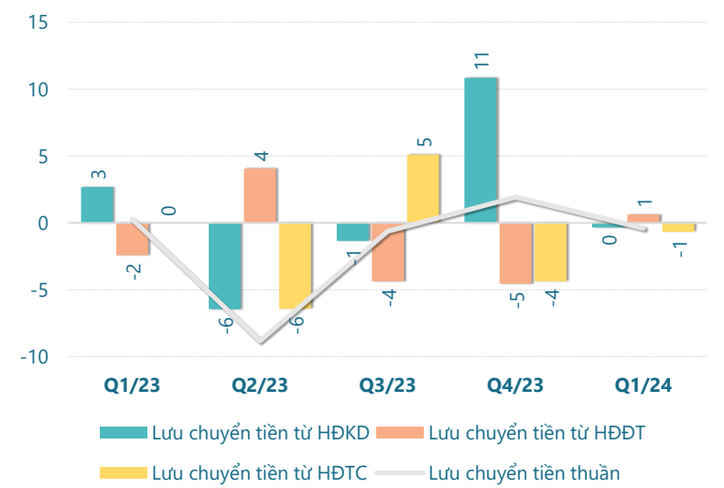
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu chi phí



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

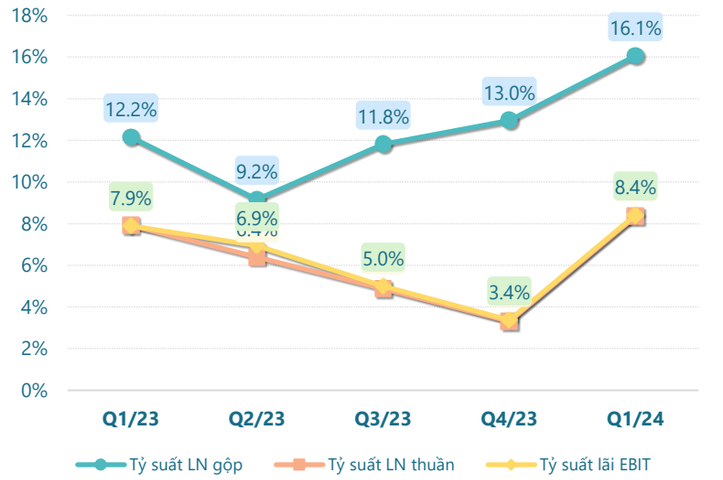


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Công nghiệp Thương mại Sông Đà

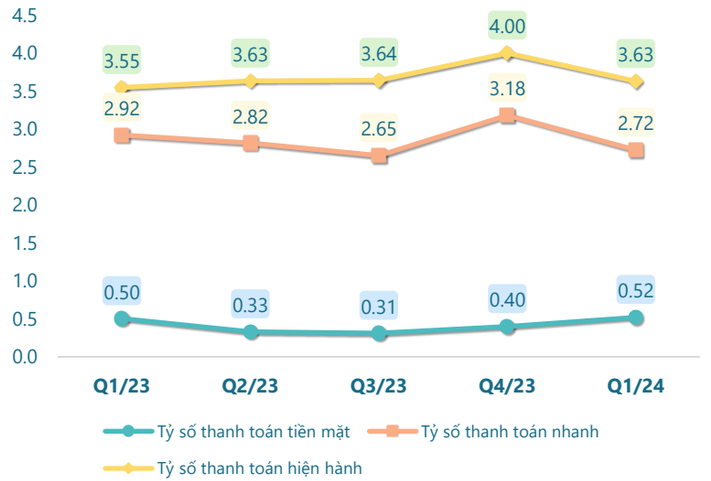
FireAnt

Tỷ suất lợi nhuận



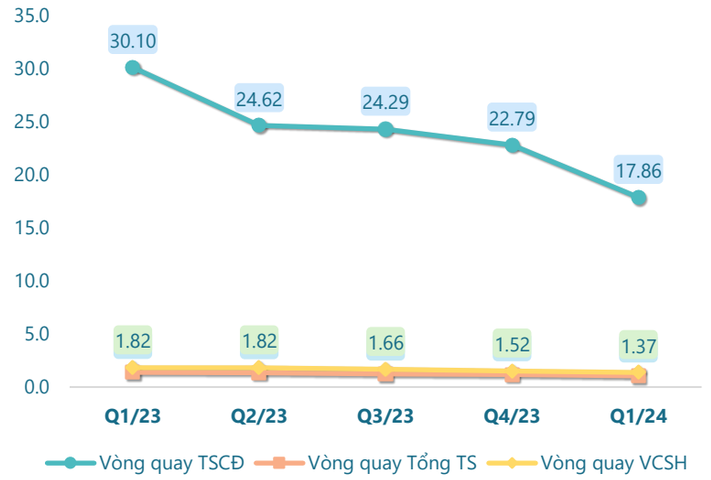
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



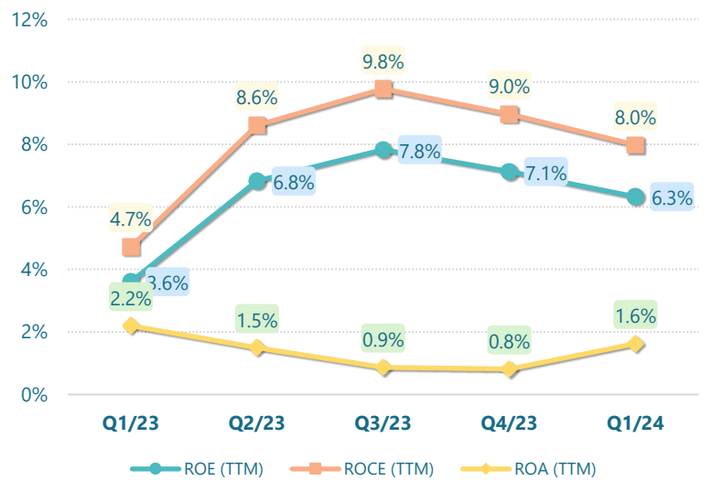
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



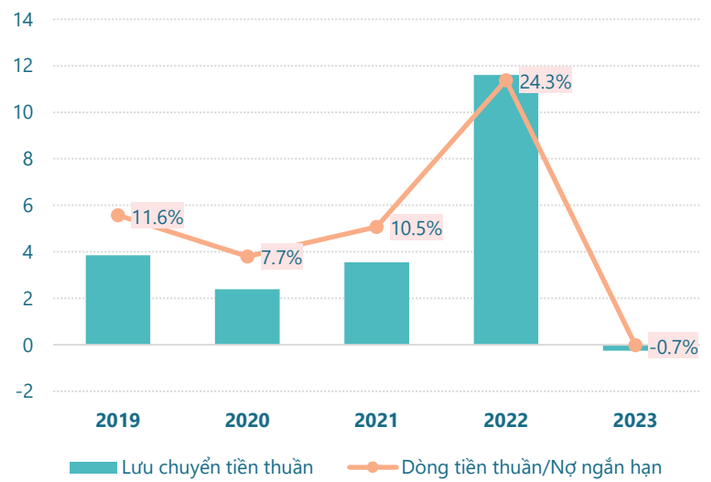
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



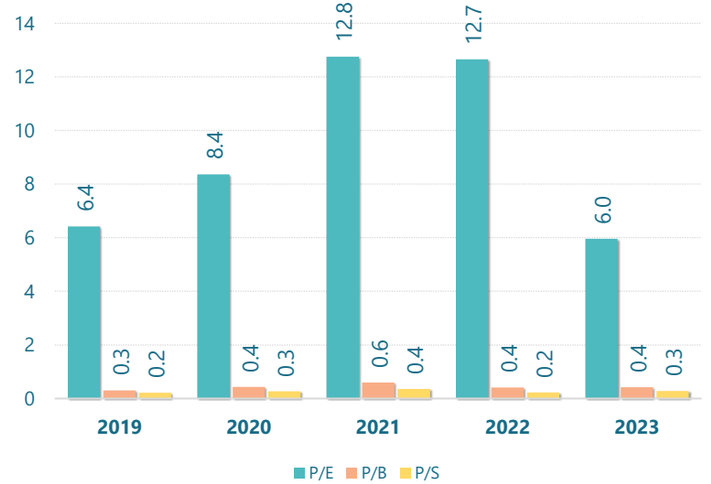
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)